

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2020/QĐST -HNGĐ

Mường Ảng, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1992.
NĐKHKT: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
Nơi cư trú: Bản L, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Quàng Văn T, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, Điện Biên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.
Trụ sở: Số X, phố L, phường H, quận H, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T1 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng.
Địa chỉ: Bản H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 33, 37, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị D và anh Quảng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung:

- Họ và tên: Quảng Văn N; Sinh ngày: 30/9/2013;
- Họ và tên: Quảng Thị Khánh L; Sinh ngày: 02/9/2015;

Chị D và anh T thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung: Chị D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Quảng Văn N và Quảng Thị Khánh L cho đến khi các cháu N và L đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu giao nuôi con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:

* **Về tài sản chung:** Chị D và anh T thỏa thuận, thống nhất: Chị D và anh T có tài sản chung là 01 mảnh đất có diện tích là 240m² và 01 ngôi nhà đang xây 2 tầng chưa hoàn thiện diện tích 85m² (Ngôi nhà nằm trên mảnh đất có diện tích 240m²), có địa chỉ tại Bản C, xã M, huyện M, mảnh đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía đông giáp nhà bà Lường Thị D1, phía tây và phía nam giáp đường dân sinh, phía bắc giáp nhà ông Lò Văn D2, có tổng giá trị cả nhà và đất hiện tại khoảng: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Chị D và anh T thỏa thuận, thống nhất: Chị D có quyền sở hữu 01 mảnh đất có diện tích là 240m² và 01 ngôi nhà đang xây 2 tầng chưa hoàn thiện diện tích 85m² (Ngôi nhà nằm trên mảnh đất có diện tích 240m²), có địa chỉ tại Bản C, xã M, huyện M, mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía đông giáp nhà bà Lường Thị D1, phía tây và phía nam giáp đường dân sinh, phía bắc giáp nhà ông Lò Văn D2, có tổng giá trị cả nhà và đất hiện tại khoảng: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Chị D sẽ có trách nhiệm trả cho anh T là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

*** Về nợ chung phải trả:** Chị D và anh T thỏa thuận thống nhất: tổng số tiền nợ gốc chị D và anh T vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi của khoản nợ trên tính từ tháng 6/2020 cho đến nay. Chị D sẽ có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi của khoản nợ trên.

*** Về tài sản riêng; nợ chung thu về:** Chị D và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với cách giao trách nhiệm trả nợ chung phải trả của chị D và anh T.

2.4 Về án phí: Chị D tự nguyện chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch.

Anh T tự nguyện chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch.

Tuy nhiên chị D và anh T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch và không có giá ngạch.

Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân